

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 4 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hoàng Sơn

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Bé Tr, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Ấp C.A, xã P, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Phạm Quốc H, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Số 214, đường L.P, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Dương Thị D, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Ấp C. A, xã P, huyện N, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Phúc H1, sinh năm 2000. Địa chỉ cư trú: Ấp C. A, xã P, huyện N, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

- Bà Phạm Thanh Th, sinh năm: 1986. Địa chỉ cư trú: Ấp C. B, xã P, huyện N, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2024, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Bé Tr trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Bé Tr và ông Phạm Quốc H kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 193/2022 ngày 14/11/2022. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc. Bà và ông H đã sống ly thân khoảng bốn tháng. Bà Tr nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng đã

mâu thuẫn trầm trọng, không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Ngọc Phương V, sinh ngày 09/01/2023, hiện đang sống cùng bà Tr. Khi ly hôn bà Tr yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Tr xác định không có tài sản chung. Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nợ bà Dương Thị D số tiền 3.500.000 đồng; nợ ông Nguyễn Phúc H1 số tiền 5.500.000 đồng; nợ bà Phạm Thanh Th số tiền 10.000.000 đồng. Khi ly hôn mỗi người có trách nhiệm thanh toán 1/2 số tiền nợ.

Ông Phạm Quốc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Tr nhưng ông H không đến Tòa án theo văn bản triệu tập cũng không trình bày ý kiến của ông H về yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Không có ý kiến gì đối với yêu cầu về số nợ.

Tại văn bản đề ngày 19/02/2024, bà Dương Thị D có đơn yêu cầu được vắng mặt trong vụ án. Đối với số nợ bà Tr trình bày hiện tại bà D không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại văn bản đề ngày 19/02/2024, ông Nguyễn Phúc H1 có đơn yêu cầu được vắng mặt trong vụ án. Đối với số nợ bà Tr trình bày hiện tại ông H1 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại văn bản đề ngày 19/02/2024, bà Phạm Thanh Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà Th trong vụ án. Đối với số nợ hụi bà Tr trình bày hiện tại bà Th chưa thực hiện các thủ tục yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Bé Tr và ông Phạm Quốc H kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 193/2022 ngày ngày 14/11/2022, đúng quy định của pháp luật. Bà Tr yêu cầu ly hôn với ông H. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Phạm Quốc H, ông Nguyễn Phúc H1, bà Dương Thị D và bà Nguyễn Thanh Th đã được Tòa án tổng đạt tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông H, ông H1, bà D và bà Th đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai, triệu tập ông H, ông H1, bà D và bà Th để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H, ông H1, bà D và bà Th vắng mặt không rõ lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông H1, bà D và bà Th theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Tr yêu cầu ly hôn với ông H với lý do vợ chồng có mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống, bà Tr và ông H đã ly thân khoảng bốn tháng, hiện không còn chung sống. Ông H đã được triệu tập nhưng đều vắng mặt

và không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, nên chấp nhận cho bà Tr được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Ngọc Phương V, sinh ngày 09/01/2023, hiện đang sống cùng bà Tr, con còn nhỏ cần sự chăm sóc từ người mẹ, ông H không yêu cầu nuôi con nên cần thiết tiếp tục giao con chung cho bà Tr nuôi dưỡng là phù hợp. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, bà Tr yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Đây là mức cấp dưỡng tối thiểu phù hợp, với mức thu nhập bình quân thực tế tại địa phương, ông H có đủ khả năng cấp dưỡng với số tiền 1.000.000đ/tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà Tr.

[5] Về tài sản chung: Bà Tr xác định không có. Ông H không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Đối với số nợ của bà Dương Ngọc D, ông Nguyễn Phúc H1, bà Nguyễn Thanh Th, hiện các ông bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trách nhiệm trả nợ trong vụ án này.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà Tr phải chịu. Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Bé Tr được ly hôn với ông Phạm Quốc H.

Về con chung: Tiếp tục giao cả hai người con chung tên Phạm Ngọc Phương V, sinh ngày 09/01/2023 cho bà Nguyễn Bé Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc ông Phạm Quốc H cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người có quyền thi hành án (bà Nguyễn Bé Tr) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án (ông Phạm Quốc H) không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Bé Tr phải nộp. Ngày 05/01/2024 bà Nguyễn Bé Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007893 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu. Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Phạm Quốc H phải nộp (chưa nộp)

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND phường 8,
TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu